UBND PHƯỜNG NAM ĐỊNH
**TRƯỜNG TH CHU VĂN AN**

Số: 176/BC-THCVA

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

*P. Nam Định, ngày 18 tháng 6 năm 2026*

# BÁO CÁO
## Thường niên Trường Tiểu học Chu Văn An
## Năm học 2025 – 2026

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1 - Trường Tiểu học Chu Văn An

- Địa chỉ: Số 147 đường Trần Thánh Tông – P. Nam Định – tỉnh Ninh Bình
- Số điện thoại: 0228 3688 886
- Địa chỉ email: th.chuvanan.tpnd@gmail.com
- Địa chỉ trang website: https://thchuvanan.ninhbinh.edu.vn
- Địa chỉ fanpage: Trường tiểu học Chu Văn An phường Nam Định
- Loại hình: Trường công lập
- Cơ quan chủ quản: UBND phường Nam Định

### 2 - Sứ mệnh:

Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, tích cực, có nền nếp, kỷ cương để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng, thích ứng nhanh trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống.

Hình thành và phát triển những giá trị cốt lõi của học sinh theo định hướng: ***Tự chủ - Tự tin - Năng động - Sáng tạo - Trách nhiệm.***

### 3 - Tầm nhìn:

Trở thành trường giáo dục có chất lượng cao, đào tạo những lớp học sinh khoẻ về thể chất, mạnh mẽ về trí lực. Đồng thời giáo dục học sinh phát triển toàn diện, có kỹ năng sống, tự tin, năng động, sáng tạo, trách nhiệm.

### 4 - Mục tiêu đào tạo:

Giúp học sinh phát triển toàn diện về năng lực, phẩm chất, có ý chí vươn lên và khả năng thích ứng cao.

**5 - Quá trình hình thành và phát triển:**

Trong suốt những năm xây dựng và trưởng thành, trường liên tục là đơn vị Tiên tiến và Tiên tiến Xuất sắc.

- Năm 2015, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1. Năm 2017, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 và chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

- Năm học 2020-2021: Được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua theo QĐ số 1938/QĐ-TTg ngày 17/11/2021; Cơ quan ban hành: Thủ tướng Chính phủ; Nội dung khen thưởng: "Đã hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác giáo dục và đào tạo dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm học 2020-2021" của tỉnh Nam Định.

- Năm học 2020-2021 trường được UBND tỉnh Nam Định công nhận Tập thể lao động Tiên tiến Xuất sắc; Bằng khen-QĐ số 1778/QĐ-UBND ngày 19/08/2021; Cơ quan ban hành: Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định; Nội dung khen thưởng: "Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020-2021"

- Năm học 2023-2024 trường đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc; Giấy khen của Chủ tịch UBND TP Nam Định về phong trào Khoa học-Công nghệ; Cờ thi đua Đơn vị xuất sắc của TW Đoàn TNCSHCM, Bằng khen của BTV Đoàn TNCSHCM Tỉnh Nam Định.

- Năm học 2024-2025 trường đạt danh hiệu Tập thể LĐTT, nhận Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định giai đoạn 2023-2024; 2024-2025

**6 - Thông tin chung về người đại diện pháp luật:**

Hiệu trưởng: Trần Thị Thu Hà

Chức vụ: Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng

Địa chỉ: 147 Đường Trần Thánh Tông – P. Nam Định – tỉnh Ninh Bình

Gmail: tranhanamphong@gmail.com

**7 - Tổ chức bộ máy:**

a) Trường Tiểu học Chu Văn An được thành lập ngày 18 tháng 7 năm 2014, theo Quyết định số 5395/QĐ-UBND ngày 18/07/2014 của UBND TP Nam Định.

b) Ban giám hiệu nhà trường gồm 03 đồng chí :

+ Đồng chí Trần Thị Thu Hà - Hiệu trưởng nhà trường được Chủ tịch UBND TP Nam Định điều động và bổ nhiệm ngày 11/11/2022 theo QĐ số 5195/QĐ-UBND.

+ Đồng chí Ngô Thị Phương – Phó Hiệu trưởng nhà trường được Chủ tịch UBND TP Nam Định bổ nhiệm lại ngày 29/12/2022 theo QĐ số 6648/QĐ-UBND.

+ Đồng chí Vũ Hoàng Phúc – Phó Hiệu trưởng nhà trường được Chủ tịch UBND TP Nam Định điều động và bổ nhiệm ngày 09/8/2022 theo QĐ số 3895/QĐ-UBND.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng nhiệm vụ của nhà trường.

- *Vị trí, chức năng:*

Trường Tiểu học Chu Văn An là cơ sở GDPT của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

- *Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường:*

+ Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Xây dựng, phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- *Cơ cấu tổ chức:*

* Nhà trường có tổ chức Chi bộ Đảng, Đoàn TNCS, Đội TNTP.

+ Chi bộ Đảng: 38 đảng viên, Ban Chi ủy: 03 người

+ Đoàn TNCSHCM trường: 10 người

+ Đội TNTPHCM: TPT Đội  Đỗ Thị Vân Anh

* Về chuyên môn: Có 04 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

+ Tổ 1: gồm 12 người, TTCM: Trần Thị Lý

+ Tổ 2, 3: gồm 15 người, TTCM: Trần Thị Hồng Nhung

+ Tổ 4, 5: gồm 17 người, TTCM: Vũ Thị Hạnh

+ Tổ Nghệ thuật: gồm 8 người, TTCM: Nguyễn Thị Băng Thi

+ Tổ văn phòng: gồm 4 người,  TTVP:  Đinh Thị Thu Phương

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

| STT | Nội dung | Tổng số | Trình độ đào tạo | | | | | | Hạng chức danh nghề nghiệp | | | Chuẩn nghề nghiệp | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TS | ThS | ĐH | CĐ | TC | Dưới TC | Hạng IV | Hạng III | Hạng II | Tốt | Khá | Đạt | Chưa đạt |
| | **Tổng số giáo viên, CBQL và nhân viên** | **59** | | **3** | **54** | | **2** | | | **33** | **22** | **15** | **39** | **1** | |
| **I** | **Giáo viên** | **52** | | **1** | **51** | | | | | **30** | **22** | **12** | **39** | **1** | |
| | Giáo viên văn hóa | 39 | | 1 | 38 | | | | | 23 | 16 | 6 | 32 | 1 | |
| | Giáo viên chuyên biệt: | 13 | | | 13 | | | | | | | | | | |
| 1 | Tiếng dân tộc | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Ngoại ngữ | 5 | | | 5 | | | | | 4 | 1 | 2 | 3 | | |
| 3 | Tin học | 1 | | | 1 | | | | | 1 | | 1 | | | |
| 4 | Âm nhạc | 2 | | | 2 | | | | | 2 | | | 2 | | |
| 5 | Mỹ thuật | 2 | | | 2 | | | | | 1 | 1 | 2 | | | |
| 6 | Thể dục | 3 | | | 3 | | | | | 2 | 1 | 1 | 2 | | |
| **II** | **Cán bộ quản lý** | **3** | | **2** | **1** | | | | **0** | **0** | **3** | **3** | | | |
| 1 | Hiệu trưởng | 1 | | 1 | | | | | | | 1 | 1 | | | |
| 2 | Phó hiệu trưởng | 2 | | 1 | 1 | | | | | | 2 | 2 | | | |
| **III** | **Nhân viên** | **4** | | | **2** | | **2** | | | | | | | | |
| 1 | NV kế toán | 1 | | | 1 | | | | | | | | | | |
| 2 | NV y tế | 1 | | | | | 1 | | | | | | | | |
| 3 | NV thư viện | 1 | | | 1 | | | | | | | | | | |
| 4 | NV văn thư | 1 | | | | | 1 | | | | | | | | |

** So sánh với năm học 2024-2025 :*

- Số lượng:

+ CBQL: 01 phó hiệu trưởng hoàn thành nhiệm vụ biệt phái tại trường Tiểu học Cửa Nam trở lại công tác tại trường;

+ GV: tăng 01 giáo viên dạy văn hóa *(01 giáo viên chuyển công tác tháng 9/2025, 02 giáo viên mới từ nơi khác chuyển về 01/2026)*

- Trình độ: 09 giáo viên văn hóa hoàn thành chương trình học nâng cao trình độ chuẩn và tốt nghiệp đại học; 01 giáo viên hoàn thành chương trình cao học nhận bằng Thạc sĩ GDTH; 02 giáo viên đang theo học Cao học GDTH tại trường ĐHSP Hà Nội.

## III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

### 1. Đặc điểm chung:

Diện tích 7.842 m². Khuôn viên nhà trường được xây dựng ở môi trường yên tĩnh, có lộ giao thông rộng thuận tiện cho học sinh đến trường.

Trong những năm qua, nhà trường đã trồng và thường xuyên chăm sóc cây xanh che bóng mát, cây hoa, cây cảnh trên sân, vườn, hành lang... Nhà trường có khuôn viên vườn trường sạch đẹp tăng tính thẩm mỹ, đảm bảo khuôn viên xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh;

Trường có cổng trường (2 cổng  phía trước và phía sau), biển tên trường, đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ, có tường bao, dậu sắt bảo vệ khép kín cao 2,0-2,2 m đảm bảo an toàn. Cổng chính của trường được xây dựng kiên cố, rộng rãi, cao ráo bảo đảm an toàn cho cha mẹ học sinh đưa đón học sinh, kể cả trong giờ cao điểm. Biển tên trường được lắp đặt rõ ràng, đảm bảo vẻ mỹ quan, nội dung biển tên trường đúng theo quy định Điều lệ trường tiểu học;

Trường có sân chơi, bãi tập với diện tích 3000m$^2$, đảm bảo diện tích khuôn viên, sân chơi, bãi tập theo quy định. Sân chơi, sân tập bằng phẳng đảm bảo an toàn cho học sinh vui chơi, rèn luyện thể dục thể thao, … Tuy nhiên, một số cây mới trồng nên độ bao phủ bóng mát chưa nhiều.

### 2. Các phòng làm việc, phòng học:

| STT | Nội dung | Số lượng | Bình quân |
|---|---|---|---|
| I | Số phòng học/số lớp | 36 | |
| II | Loại phòng học | | |
| 1 | Phòng học kiên cố | 36 | |
| 2 | Phòng học bán kiên cố | | |
| 3 | Phòng học tạm | | |
| 4 | Phòng học nhờ | | |
| III | Số điểm trường | 01 | |
| IV | Tổng diện tích đất (m2) | 7.842 | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| V | Diện tích sân chơi, bãi tập (m2) | | 3.000 | |
| VI | Tổng diện tích các phòng | | | |
| 1 | Diện tích phòng học (m2) | | 1.680 | |
| 2 | Diện tích phòng chuẩn bị (m2) | | | |
| 3 | Diện tích thư viện (m2) | | 48 | |
| 4 | Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m2) | | | |
| 5 | Diện tích phòng khác (Tin học, T.Anh) (m2) | | 96 | |
| VII | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ) | | | |
| 1 | Khối lớp 1 | | 6 | |
| 2 | Khối lớp 2 | | 7 | |
| 3 | Khối lớp 3 | | 7 | |
| 4 | Khối lớp 4 | | 8 | |
| 5 | Khối lớp 5 | | 8 | |
| VIII | Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ) | | 62 | |
| IX | Tổng số thiết bị | | | |
| 1 | Ti vi LED | | 22 | |
| 2 | Cát xét | | 0 | |
| 3 | Đầu Video/đầu đĩa | | 0 | |
| 4 | Máy chiếu OverHead/projector/vật thể | | 20 | |
| 5 | Thiết bị khác..(Thiết bị âm thanh) | | 02 | |
| 6 | ….. | | | |
| | Nội dung | Số lượng (m2) | | |
| X | Nhà bếp | 360 $m^2$ | | |
| XI | Nhà ăn | | | |
| | Nội dung | Số lượng phòng, tổng diện tích (m2) | Số chỗ | Diện tích bình quân/chỗ |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| XII | Phòng nghỉ cho học sinh bán trú | 1.680 | | 1400 | 1400 hs ăn bán trú 1,2m$^2$/hs | |
| XIII | Khu nội trú | | | | | |
| XIV | Nhà vệ sinh | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh | | Số m2/học sinh | |
| | | | Chung | Nam/Nữ | Chung | Nam/ Nữ |
| 1 | Đạt chuẩn vệ sinh* | 03 | | 14 | | 0,25 |
| 2 | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* | | | | | |

|** So sánh với năm học 2024-2025:*

+ Hạng mục cải tạo sửa chữa bếp ăn và xây dựng nhà đa năng đã hoàn thiện, đang chờ bàn giao đưa vào sử dụng.

+ Hoàn thành nâng cao lan can tầng 3 khu nhà 4 tầng; sửa nhà WC tầng 2 khu nhà tầng; gắn vá nền lớp học, hành lang, camera tầng 1

+ Bổ sung 03 máy tính cho 02 phó hiệu trưởng, phòng tiếng anh

## IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

+ Hằng năm nhà trường tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục.

+ Năm học 2025-2026: Nhà trường tự đánh giá Mức độ 2

### 1. Kết quả tự đánh giá chất lượng GD của nhà trường

- Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt là 27/27 với tỉ lệ 100%

+ Số lượng tiêu chí không đạt là 0 với tỉ lệ 0%

- Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt là 24/27 với tỉ lệ 88,9%

+ Số lượng tiêu chí không đạt là 3 với tỉ lệ 11,1%

- Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt là 19/19 với tỉ lệ 100%

+ Số lượng tiêu chí không đạt là 0 với tỉ lệ 0%

- Mức 4:

+ Số lượng tiêu chí đạt là 1/5 với tỉ lệ 20%

+ Số lượng tiêu chí không đạt là 4/5 với tỉ lệ 80%

**2. Cụ thể các tiêu chí chưa đạt:**

- Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

+ Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

- Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

+ Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng HC - quản trị.

+ Tiêu chí 3.6: Thư viện

**3. Kế hoạch khắc phục:**

- Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

+ Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

- CSVC nhà trường còn thiếu phòng học nên chưa có giãn được sĩ số HS trên lớp. Trung bình khoảng 46 HS/ lớp.

- Nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn (bố mẹ bệnh tật, đông con, hoặc ở với ông bà do bố mẹ li hôn, bố mẹ đi làm ăn xa, ….)

*Khắc phục:*

***** Tham mưu với các cấp quản lí cấp kinh phí để bổ sung cơ sở vật chất xây mới phòng học để đảm bảo giãn sĩ số HS trên lớp xuống theo đúng quy định là 35HS/lớp.

* Phối hợp với Ban đại diện CMHS, chính quyền địa phương, đoàn thể có chính sách hỗ trợ học sinh khó khăn.

- Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

+ Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng HC - quản trị.

Nhà trường đủ phòng học tập nhưng còn thiếu phòng học bộ môn: phòng âm nhạc, mĩ thuật; phòng Khoa học và công nghệ theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học; các phòng phụ trợ: phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật và tư vấn tâm lí học đường khiến cho hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường còn gặp khó khăn.

*Khắc phục:*

* Tham mưu với cấp trên cấp kinh phí để bổ sung cơ sở vật chất vào các phòng

học bộ môn, phòng chức năng phục vụ cho việc dạy và học.

* Vận động các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm tài trợ về CSVC.

+ Tiêu chí 3.6: Thư viện

Thư viện nhà trường đang có diện tích là 48 $m^2$ chưa đủ diện tích theo quy định của Điều lệ trường tiểu học là thư viện phải có diện tích không được nhỏ hơn 54 $m^2$. Thư viện điện tử chưa có phần mềm quản lí chuyên dụng.

*Khắc phục:*

* Tham mưu với các cấp đầu tư kinh phí bổ sung một thư viện ngoài trời để diện tích đạt chuẩn theo CTGDPT 2018.

* Chủ động mua bản mềm quản lý thư viện.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

### 1. Số học sinh:

| Khối | Số lớp | Số HS | Nữ | KT | Tỷ lệ HS/ lớp | HS bán trú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **1** | 6 | 303 | 150 | 05 | 50 | 268 |
| **2** | 7 | 302 | 152 | 02 | 43 | 262 |
| **3** | 7 | 337 | 173 | 0 | 48 | 291 |
| **4** | 8 | 335 | 157 | 03 | 42 | 270 |
| **5** | 8 | 388 | 189 | 02 | 49 | 303 |
| **Tổng số** | **36** | **1665** | **830** | **12** | **46** | **1394** |

* *So sánh với năm học 2024-2025:* giảm 60 HS. Lý do:

+ HS chuyển trường do sáp nhập tỉnh bố mẹ chuyển nơi công tác (Học sinh vào Ninh Bình, Hưng Yên, về quê, Hà Nội ...)

+ Do trẻ sinh tự nhiên năm 2019 trên địa bàn phổ cập giảm ( Năm 2019 dịch Covid 19, năm 2020 bắt đầu tiêm vắc xin Covid 19 )

### 2. Chương trình giáo dục :

- Thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2,3,4,5 bộ sách Cánh diều ở đa số các môn ( trừ môn âm nhạc, mĩ thuật ), 100% học sinh học 2 buổi/ ngày, thực hiện đánh giá học sinh theo TT27/2020/ BGDĐT, tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM, an toàn giao thông, năng lực số, giáo dục địa phương, an ninh quốc phòng, …cho học sinh.

- Các hoạt động nổi trội :

+ Làm MV ca nhạc chào mừng 80 năm cách mạng tháng 8 và quốc khánh 2-9 *Viết tiếp câu chuyện hòa bình* ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường theo chủ đề: *Trung thu của em, I love my school; Gen Alpha – sẵn sàng bứt phá với AI, Mở sách – Mở tương lai*; trải nghiệm ngoài trường Hành trình di sản (đền Trần, đền Vua Đinh, Vua Lê), trải nghiệm cho học sinh lớp 1 *Một ngày làm nông dân thu hoạch ngô;* phát động cuộc thi ảnh *Cô ơi! Lớp mình thật tuyệt!* phối hợp với thư viện Tỉnh mang sách lưu động cho học sinh đọc 2 lần/ tháng; đồng diễn vovinam; phối hợp với GV HS trường THCS Trần Đăng Ninh thực hiện kế hoạch Thu gom vỏ hộp sữa tái chế trong suốt năm học; …

+ Tổ chức sinh hoạt chuyên môn cấp cụm trường với 02 tiết dạy và 02 báo cáo chuyên đề với sự tham dự trực tiếp của lãnh đạo, chuyên viên SGD ĐT Ninh Bình, gần 100 CBQL các trường tiểu học trong tỉnh và các giáo viên dự trực tuyến tại 49 điểm cầu của 49 trường trong cụm chuyên môn số 10 cấp tiểu học tỉnh Ninh Bình.

+ Tổ chức SHCM Tổng kết 5 năm thực hiện CTGDPT 2018; Tập huấn về sử dụng AI trong dạy học; các hoạt động SHCM theo NCBH

+ Tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường

**3. Kết quả đánh giá cuối năm theo TT 27/2020/BGD ĐT như sau :**

- 100% số học sinh được đánh giá đạt và tốt từng năng lực, từng phẩm chất.
- Hoàn thành chương trình tiểu học: 388/388 = 100% học sinh lớp 5 HTCTTH
- Hoàn thành chương trình lớp học: 1664/1665 học sinh HTCTLH = 99,94% (01 HS chưa HTCTLH – rèn luyện trong hè)

**4. Khen thưởng theo TT27/2020/BGDĐT**

- Học sinh đạt danh hiệu Học sinh Xuất sắc: 1357/1665 HS = 81,55%
- Học sinh đạt danh hiệu Học sinh Tiêu biểu: 225 HS = 13,52%
- Khen thưởng cho 17 Tập thể lớp Xuất Sắc; 19 Tập thể lớp Tiên Tiến

**5. Kết quả các hội thi, cuộc thi, giao lưu**

Nhà trường đã tham gia đầy đủ các hội thi, cuộc thi do Bộ GDĐT, Sở GDĐT, UBND phường Nam Định tổ chức.

**Kết quả nổi bật: học sinh đạt 59 giải cấp phường, 32 giải cấp tỉnh, 25 giải quốc gia. Cụ thể là** :

* Về phía học sinh:

- *Cuộc thi tiếng Anh trên Internet (IOE):*

+ Cấp Phường: 36 em đạt giải trong đó (02 giải Nhất, 07 giải Nhì, 08 giải Ba, 19 giải Khuyến Khích)

+ Cấp Tỉnh: 27 em đạt giải trong đó (07 giải Nhì, 10 giải Ba, 10 giải KK)

+ Cấp Quốc gia: 01 em đạt Huy chương bạc

- *Hội thi viết chữ đúng đẹp:*

+ Cấp trường: 27 HS đạt giải cấp trường (08 giải Nhất, 17 giải Nhì)

+ Cấp Phường: 08 bài được lựa chọn dự thi cấp cụm

+ Cấp Tỉnh: 01 học sinh dự thi

- *Cuộc thi Chữ đẹp Việt:* 04 em đạt giải (01 giải Ba, 02 giải KK, 01 giải triển vọng)

- *Hội khỏe Phù Đổng:*

+ Cấp trường: 32 em đạt giải: (16 giải Nhất, 16 giải Nhì)

+ Cấp Phường: 6 em đạt giải (01 Nhất, 01 giải Nhì, 03 giải Ba, 01 giải KK)

+ Cấp Tỉnh: 01 em đạt giải Ba

- *Đại hội TDTT cấp phường*: 01 HCV, 01 HCĐ võ cá nhân; 01 KK vovinam

- *Giao lưu AI & Robotics tại trường phổ thông liên cấp FPT*: 02 em đạt giải Khuyến khích, 01 giải Ba đồng đội

- *Cuộc thi Chiếc ô tô mơ ước cấp Quốc gia*: Có 15 em đạt giải (01 giải Nhất, 02 giải Khuyến khích và 12 giấy chứng nhận)

- *Cuộc thi Ngôi nhà mơ ước cấp Quốc gia*: 46 học sinh vào vòng chấm trực tiếp; 07 học sinh đạt giải

- *Cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc* :

+ Cấp trường : Có 10 em đạt giải (03 giải Nhất, 03 giải Nhì, 04 giải Ba).

+ Cấp Tỉnh : 02 giải KK

- *Cuộc thi Sáng kiến phòng chống bạo lực học đường lần III do Bộ GDĐT phát động*

+ Cấp Phường: có 02 em đạt giải (01 giải Nhất, 01 giải Nhì).

+ Cấp Tỉnh: 01 em đạt giải nhất

+ Cấp Bộ : 01 giải KK

- *Cuộc thi Sáng tạo Khoa học kỹ thuật:*

+ Cấp Phường: Có 03 em đạt giải (01 giải Nhất, 01 giải Ba, 01 giải KK).

+ Cấp Tỉnh : 01 sản phẩm dự thi đang chờ kết quả

* Về phía Giáo viên:

- GV đạt danh hiệu GV Giỏi cấp trường: 12 giáo viên
- Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường: 04 giáo viên
- 100% CBGVNV hoàn thành, hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- 12 SKKN dự thi cấp phường
- Đại hội TDTT phường: 01 Nhất Kéo co nữ; 01 Ba đôi nam nữ pickleball

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Nhà trường thực hiện công khai các nguồn thu và chi theo đúng quy định ngân sách:

**1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp năm 2025**: 13.070.415.176 VNĐ.

Trong đó: + Kinh phí được giao tự chủ : 12.416.589.016 VNĐ.

+ Kinh phí không được giao tự chủ : 653.826.160 VNĐ.

**2. Chi từ nguồn ngân sách nhà nước cấp**

- Chi thanh toán cá nhân : 11.918.136.068 VNĐ
- Chi cho bộ máy, chuyên môn nghiệp vụ, mua sắm sửa chữa và chi khác: 498.452.948 VNĐ
- Chi tiền thưởng, hộ trợ kinh phí học tập, học bạ số (Nguồn không tự chủ): 653.826.160 VNĐ
- Chi công tác chuyên môn, cơ sở vật chất, chi cho con người phân bổ đúng mục đích, chi lương, phụ cấp ưu đãi nghề nhà giáo, phụ cấp thâm niên, nâng lương thường xuyên đúng chế độ, đầy đủ và kịp thời.

**3. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục**: (Đã được báo cáo và đồng thuận từ cha mẹ học sinh) theo nguyên tắc thu đủ chi và công khai trong kì họp CMHS cuối năm học:

+ Tiền ăn bán trú: 26.000 VNĐ/học sinh/ngày thực ăn.

+ Tiền quản lý, coi trưa: 6.000 VNĐ/học sinh/ngày thực ăn.

+ Tiền nước uống học sinh : 7.000 VNĐ/học sinh/tháng.

+ Tiền dịch vụ vệ sinh : 18.000 VNĐ/học sinh/tháng.

+ Tiền BHYT : 52.650 VNĐ/học sinh/tháng.

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

**1. Công tác chuyển đổi số**:

- Triển khai sử dụng học bạ điện tử 100% đối với tất cả các khối lớp.

- Triển khai tập huấn về ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong giáo viên, khuyến khích CBGVNV sửu dụng AI trong dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

- Sử dụng các phần mềm tiện ích trong công tác quản lý, quản trị nhà trường

- Sử dụng thu tiền không dùng tiền mặt đối với 100 % các loại thu

- Đánh giá mức độ chuyển đổi số : đạt mức độ 3.

**2. Công tác an toàn trường học** :

- Đảm bảo an toàn cho GVHS trong trường, không có tệ nạn xã hội thâm nhập học đường.

- Đoàn  kiểm tra công tác an toàn trường học và phòng chống đuối nước công nhận theo bộ tiêu chí: Đạt.

**3. Công tác y tế học đường:**

- 100 % học sinh tham gia BHYT.

- Y tế trường học phối hợp với y tế phường làm tốt công tác phòng chống bệnh dịch, tiêm vacxin, chăm sóc sức khỏe học sinh.

- Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình tổ chức bán trú cho học sinh trong năm học.

**4. Công tác phổ cập giáo dục**

- Chuẩn PCGDTH mức độ 3. Huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1: Đạt 100%

- Trẻ 11 tuổi Hoàn thành chương trình tiểu học: Đạt 100%. Duy trì sĩ số học sinh trong năm học: Đạt trên 90 %

- Huy động trẻ khuyết tật, HS có hoàn cảnh khó khăn đúng độ tuổi ra lớp.

- Tổ chức rà soát, cập nhật danh sách HS khó khăn để hỗ trợ kịp thời, triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong năm học, bao gồm hỗ trợ sách vở, đồ dùng học tập và các hình thức hỗ trợ khác nhằm bảo đảm điều kiện học tập tối thiểu.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giao lưu, phát triển năng lực cá nhân, nâng cao kỹ năng sống và sự tự tin cho học sinh, góp phần thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng học sinh.

**5. Công tác thi đua khen thưởng:**

Năm học 2025-2026, Hội đồng thi đua khen thưởng nhà trường đề nghị cấp trên công nhận:

- Lao động tiên tiến: 58 người.
- CSTĐ cơ sở: 05 người.
- Chủ tịch UBND phường tặng Giấy khen: 03 người.
- Giám đốc Sở GD ĐT Ninh Bình tặng Giấy khen: 02 người.
- Tập thể: Lao động xuất sắc.

**6. Công tác phối hợp gia đình - nhà trường**:

Tổ chức các phiên họp Ban đại diện cha mẹ học sinh định kỳ; vận hành hiệu quả ứng dụng kết nối liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh.

Thông báo công khai kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục, các hoạt động giáo dục, các khoản thỏa thuận thu thông qua các kì họp CMHS định kì, các thông báo, niêm yết. Kế hoạch tổ chức bán trú và các hoạt động liên quan bán trú có sự đồng hành, tham gia, giám sát của PHHS.

Phụ huynh học sinh đồng thuận và đồng hành trong các hoạt động của trường lớp, phối hợp cùng giáo viên chăm lo việc học tập cho con em, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2025-2026 của trường Tiểu học Chu Văn An.

**Nơi nhận:**
- Phòng VHXH; *(để báo cáo)*
- Trang Web nhà trường *(để công khai)*
- Các tổ khối chuyên môn; *(để công khai)*
- Lưu VP./.

**HIỆU TRƯỞNG**

U.B.N.D PHƯỜNG NAM ĐỊNH T. NINH BÌNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC CHU VĂN AN

**Trần Thị Thu Hà**